



1	LEDK
2	LEDA
3	GND
4	VDD
5	RO(NC)
6	R1(NC)
7	R2(NC)
8	R3
9	R4
10	R5
11	R6
12	R7
13	G0(NC)
14	G1(NC)
15	G2
16	G3
17	G4
18	G5
19	G6
20	G7
21	B0(NC)
22	B1(NC)
23	B2(NC)
24	B3
25	B4
26	B5
27	B6
28	B7
29	GND
30	CLK
31	DISP
32	HSYNC
33	VSYNC
34	DEN
35	NC
36	GND
37	NC
38	NC
39	NC
40	NC

FPC弯折示意图
FPC展开出货

LCD型号/类型/分辨率	4.3/1IPS/480*272
视角方向	ALL
偏光片	上磨0° /下光90°
驱动IC	NV3047
LED颗数/连接方式/电流	7-LED/7串/20mA
背光底色要求	

A ○ ———— K

- 技术要求:
- 带*尺寸为重点尺寸, 带()尺寸为参考尺寸
 - LCD切割断面崩边≤1/3(单层LCD厚度)
 - 平面翘曲度≤0.35mm
 - 符合RoHS指令
 - 工作温度: -20℃~70℃
 - 储存温度: -30℃~80℃
 - 建议TP V. A开窗比LCD A. A单边大0.4mm
 - 泡棉开窗比LCD A. A单边大0.3mm

REV	SIGN	DESCRIPTION	PIC	DATE
A		首次发行	xw	2022.4.23

PART DESCRIPTION	LCM		HUA XIAN JING Display Limited www.huaxianjing.com			
DESIGNED			UNIT mm	SCALE 1.00	3rd ANGLE	SHEET NUMBER 1 of 1
CHECKED			PART NUMBER			DRAWING REV. A
APPROVED			MODEL NAME TFT043B015			PART NUMBER VER. N/A